

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-PT

Ngày: 23-3-2022

V/v tranh chấp quyền về tài sản
chung và tranh chấp về thừa kế
tài sản (quyền sử dụng đất)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường;
Ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp quyền về tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản (quyền sử dụng đất)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2021/QĐ-PT ngày 13/12/2021; Thông báo thời gian mở phiên tòa số 20/TABT-DS ngày 25/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị C - sinh năm 1930;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức S - sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/4/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trường Duy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ngh - sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Thuận;

2. Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện TP;

3. Bà Nguyễn Thị Nh - sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu phố 01, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

4. Ông Nguyễn Văn Đồng - sinh năm 1966;

Địa chỉ: Khu phố 03, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

5. Bà Nguyễn Thị Hồng Mai - sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

6. Ông Nguyễn Đức S - sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu phố 05, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

7. Ông Nguyễn Đức Th - sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố 03, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

8. Bà Nguyễn Thị Kim C - sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức S - sinh năm 1973.

9. Ông Lê Phi H - sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

10. Bà Nguyễn Thị X - sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

11. Ông Lê Phi N - sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

12. Ông Lê Phi T - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

13. Ông Lê Phi S - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu phố 02, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

14. Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu phố 08, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hùng, bà Xin, ông Ni, ông Tân, ông Sô: Bà Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu phố 08, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/7/2019).

15. Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu phố 05, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

16. Bà Nguyễn Thị Bé H - sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu phố 01, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đặng Q- sinh năm 1928;

Địa chỉ: Khu phố 05, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

2. Ông Hồ Văn T - sinh năm 1947;

Địa chỉ: Khu phố 06, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

3. Bà Nguyễn Thị A - sinh năm 1954 (Chết);

Địa chỉ: Khu phố 04, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

4. Bà Võ Thị Tuyết L - sinh năm 1953;

Địa chỉ: Khu phố 05, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

5. Ông Tiêu Hồng T - sinh năm 1963;

Địa chỉ: Khu phố 03, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

6. Ông Nguyễn Thanh T - sinh năm 1945;

Địa chỉ: Khu phố 05, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh.

Các đương sự khác không kháng cáo.

Đương sự có mặt: Ông Nguyễn Đức S, ông Nguyễn Văn Ngh, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn Đồng, bà Nguyễn Thị Hồng Mai, ông Nguyễn Đức Th, bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Bé Hai.

Đương sự vắng mặt: Bà Trương Thị C, Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong, Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, bà Nguyễn Thị Kim C, ông Lê Phi N, ông Lê Phi T, ông Lê Phi S.

Người làm chứng có mặt: Ông Hồ Văn Tạo, bà Võ Thị Tuyết Linh.

Người làm chứng vắng mặt: Đặng Quê.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trương Thị C và người đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn trình bày:

Cha ông là Nguyễn Ngỗ và mẹ ông là bà Trương Thị C sinh được 08 người con gồm có: Nguyễn Thị Lệ (chết), Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Văn Đồng, Nguyễn Thị Hồng Mai, Nguyễn Đức S, Nguyễn Văn Thọ và Nguyễn Thị Kim C. Do Cúc đã bị bệnh động kinh từ nhỏ nên cha mẹ phải nuôi dưỡng, đến nay ông chăm sóc em ông và đã được Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự.

Trước năm 1975, cha mẹ ông là Nguyễn Ngỗ và Trương Thị C có tạo lập được 01 khoảnh đất nông nghiệp để trồng hoa màu, đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 với diện tích 6.720m^2 mang tên cha ông Nguyễn Ngỗ. Đất có tục danh “Cây Me, Bàu Bí” thuộc Khu phố 05, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, hiện vợ chồng ông Nguyễn Văn Ngh đang quản lý và canh tác có vị trí:

Đông giáp đất Nguyễn Văn Ngh; Tây giáp đất ông Lự;

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Anh; Bắc giáp đất ông Tranh.

Năm 2001, cha ông chết không để lại di chúc. Sau khi cha ông qua đời, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp 6.720m^2 do Nguyễn Văn Ngh sử dụng để canh tác trồng cây hoa màu để nuôi mẹ ông là bà Trương Thị C và em gái bị mất trí nhớ là Nguyễn Thị Kim C. Do ông Nghịch không thực hiện việc nuôi mẹ, nuôi em mà tự ý đem tài sản trên phân lô bán nên ông nhận ủy quyền của mẹ ông là bà Trương Thị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích theo sổ đỏ là 6.720m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 mang tên cha là Nguyễn Ngỗ.

Ngày 12/02/2020, ông có bổ sung yêu cầu chia quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông cho cha mẹ ông cùng 8 người con, mỗi người một phần bằng nhau, sau khi chia xong thì mới chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cha ông theo pháp luật thừa kế. Ông đại diện cho mẹ ông và em ông là Nguyễn Thị Kim C yêu cầu chia bằng hiện vật là đất giao cho ông quản lý và sử dụng trực tiếp, không yêu cầu nhận giá trị bằng tiền

Ông Sanh thống nhất toàn bộ nội dung Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản vào ngày 18/4/2019 về diện tích, giá trị đất do Hội đồng định giá kết luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị C ông Nguyễn Trường Duy trình bày: Yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 6.720m^2 đất cấp cho hộ ông Nguyễn Ngỗ, chia đều cho vợ chồng bà Cang cùng 8 người con, sau đó chia thừa kế theo pháp luật phần quyền sử dụng đất của ông Ngỗ được chia, phần bà Cang và bà Cúc giao ông Sanh đại diện nhận bằng hiện vật là diện tích đất mới đảm bảo việc tách thửa sau này. Giao cho ông Nghịch quyền sử dụng diện tích đất tăng thêm so với diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất $1.018,5\text{m}^2$ do ông Nghịch có công quản lý, gìn giữ đất

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh trình bày:

Diện tích đất nông nghiệp 6.720m^2 (đất tọa lạc tại tục danh “Cây Me, Bàu Bí” thuộc khu phố 05, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận) có vị trí:

Đông giáp đất Nguyễn Văn Ngh; Tây giáp đất ông Lự;

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Anh; Bắc giáp đất ông Tranh;

Là hiện đang tranh chấp có nguồn gốc là của tộc họ Nguyễn mà cụ thể là do ông Nguyễn Tây (đã chết năm nào không nhớ) để lại với mục đích là thờ cúng ông bà tộc họ Nguyễn, sau đó tiếp tục cho lại cho cha ông là ông Nguyễn Ngỗ canh tác để cúng kính, thờ phụng ông bà. Theo ông thì đất này là của tộc họ chứ không phải là tài sản riêng của cha mẹ ông nên ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Diện tích đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 mang tên cha ông là Nguyễn Ngỗ. Nếu mẹ ông muốn chia thừa kế hoặc muốn bán diện tích đất nông nghiệp 6.720m² thì phải hỏi ý kiến của tộc họ Nguyễn vì đất này là của tộc. Ông trực tiếp quản lý, canh tác từ năm 1998 cho đến nay với nghĩa vụ nuôi mẹ Trương Thị C và em gái mất trí nhớ Nguyễn Thị Kim C.

Trong thời gian quản lý, canh tác, ông là người trực tiếp bồi sửa đất, bỏ công sức bảo quản đất từ năm 1998 cho đến nay với số tiền là 600.000.000đồng, ông yêu cầu nguyên đơn, những người liên quan trong gia đình ông phải trả lại tiền cho ông. Ông đã nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án đối với vụ án đang tranh chấp nhưng ông không nộp vì ông không liên quan.

Nếu Tòa án xử có chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha ông thì ông xin được hưởng kỷ phần của mình.

Ông đồng ý toàn bộ nội dung Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản vào ngày 18/4/2019 cũng như thống nhất về diện tích, giá trị đất do Hội đồng định giá kết luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong có văn bản nêu ý kiến: Diện tích 6.720m² (có tục danh “Cây Me, Bàu Bí” thuộc Khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong) cấp cho ông Nguyễn Ngỗ vào ngày 11/12/1996 là cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngỗ, việc cấp Giấy chứng nhận là đúng quy định pháp luật.

Đối với phần diện tích tăng thêm 1.018,5m² so với diện tích đất được cấp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Còn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai thì do Hội đồng xét tính pháp lý đất đai của Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương căn cứ vào đối tượng và nguồn gốc sử dụng đất để xét cấp

Diện tích đất 6.720m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngỗ vào ngày 11/12/1996 đã hết hạn kể từ tháng 12/2015 nhưng đến nay chưa gia hạn, người sử dụng đất đủ điều kiện để được gia hạn quyền sử dụng đất theo Điều 74 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất Đai năm 2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương trình bày: Diện tích đất nông nghiệp 6.720m² (có tục danh “Cây Me, Bàu Bí” thuộc Khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong) đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

Nguyễn Ngỗ vào ngày 11/12/1996, đủ điều kiện gia hạn quyền sử dụng đất, diện tích đất phát sinh do biến động, ông Nghịch đang quản lý sử dụng, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp cho ai do Hội đồng xét cấp căn cứ vào các điều kiện xét cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hồng Mai, ông Nguyễn Văn Thọ trình bày:

Bà Nhi, bà Mai, ông Thọ đều thống nhất với toàn bộ nội dung lời khai của nguyên đơn bà Trương Thị C.

Diện tích đất nông nghiệp 6.720m² hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc là của bà Trương Thị C, ông Nguyễn Ngỗ tạo lập. Đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 mang tên Nguyễn Ngỗ nhưng thực chất cấp cho hộ gia đình.

Do ông Nguyễn Ngỗ chết năm 2004 không để lại di chúc nên đây là tài sản của gia đình không phải là đất của tộc họ như ông Nghịch trình bày.

Ông Nguyễn Văn Ngh quản lý sử dụng diện tích đất trên từ năm 1998 cho đến nay, là người duy nhất hưởng lợi từ việc canh tác hoa màu trên đất từ năm 1998 cho đến nay.

Dù là đất cấp cho hộ gia đình nhưng bà Nhi, bà Mai, ông Thọ yêu cầu chia quyền sử dụng 6.720m² đất được cấp cho cha, mẹ và 8 người con. Phần của ông Ngỗ sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Các ông bà yêu cầu nhận đất, giao bà Mai đại diện nhận. Với diện tích đất phát sinh 1.018,5m², yêu cầu Tòa án giao cho ông Nghịch được quyền sử dụng do ông Nghịch có công quản lý, giữ gìn đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc M trình bày:

Bà là con của bà Nguyễn Thị Lệ, bà gọi bà Cang và ông Ngỗ là ông bà ngoại, do mẹ của bà là Nguyễn Thị Lệ đã chết không để lại di chúc nên bà đại diện cho cha bà cùng các anh chị em của bà đồng ý yêu cầu của bà ngoại bà là Trương Thị C, yêu cầu chia 1/10 quyền sử dụng diện tích 6.720m² đất cấp cho hộ ông Ngỗ cho mẹ bà, chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông ngoại là Nguyễn Ngỗ cho mẹ bà theo pháp luật thừa kế, bà giao diện tích đất được hưởng cho bà Nguyễn Thị Hồng Mai đại diện đứng tên để tách thừa theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đồng trình bày:

Diện tích đất nông nghiệp 6.720m² hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc là của tộc họ Nguyễn, sau đó giao lại cha mẹ ông là Trương Thị C và Nguyễn Ngỗ đứng tên sở hữu để canh tác với mục đích là cúng kính ông bà sau này. Đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cấp vào năm bao nhiêu thì ông không có biết rõ cũng như không biết ai là người nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn Ngh là người quản lý sử dụng diện tích đất trên từ năm 1998 cho đến nay.

Việc mẹ ông bà Trương Thị C và các anh chị của ông khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng 6.720m² cũng như yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất nêu trên thì ông không đồng ý vì diện tích đất nông nghiệp 6.720m² là của tộc họ chứ không phải là tài sản riêng của cha mẹ ông.

Nếu Tòa án có giải quyết chia thì ông giao kỷ phần của ông cho ông Nguyễn Văn Ngh quản lý, sở hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoa trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn Ngh, diện tích đất nông nghiệp 6.720m² hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc theo cha mẹ chồng ông Nguyễn Ngỗ, bà Trương Thị C nói lại là của tộc họ Nguyễn để lại. Bà và chồng Nguyễn Văn Ngh cùng nhau quản lý, canh tác từ năm 1998 cho đến nay.

Vì đây là đất của tộc họ bên gia đình bên ông Nghịch, bà là dâu nên bà không có tranh chấp gì để chồng là Nguyễn Văn Ngh quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Lê, gọi bà Trương Thị C là ngoại, gọi ông Nghịch là cậu.

Sở dĩ tại thời điểm năm 1996 bà ở cùng hộ khẩu với ông ngoại Nguyễn Ngỗ là do mẹ bà Nguyễn Thị Lê nằm cùng hộ khẩu với ngoại; sau đó mẹ bà có chồng khác nhưng bà vẫn ở cùng hộ khẩu với ngoại đến khi bà lớn lên đi lấy chồng bà mới cắt khẩu còn cắt khẩu đi năm nào thì bà không có nhớ.

Về diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Cang và ông Nghịch thì bà nghe mẹ ruột kể lại là đất của ông bà để lại chứ không phải là đất riêng của một ai hết, bà không yêu cầu chia quyền sử dụng đất cho bà mà chia cho mẹ bà, riêng phần hưởng thừa kế của mẹ Nguyễn Thị Lê thì bà đã có ủy quyền lại cho em ruột là Lê Thị Ngọc M để giải quyết trong vụ kiện này

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé Hai trình bày:

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Nh, gọi bà Trương Thị C là ngoại, gọi ông Nghịch là cậu. Sở dĩ tại thời điểm năm 1996 bà ở cùng hộ khẩu với ông ngoại Nguyễn Ngỗ là do mẹ bà Nguyễn Thị Nh nằm cùng hộ khẩu với ngoại, sau đó bà đi lấy chồng và cắt khẩu vào năm 2005, bà không yêu cầu chia quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ngoại vì đã có mẹ bà là Nguyễn Thị Nh đã có quyền lợi.

Người làm chứng ông Đặng Quê trình bày:

Diện tích mà hiện nay bà Cang, ông Nghịch đang tranh chấp có nguồn gốc là ông cố để lại cho ông nội Nguyễn Cơ, sau đó ông Cơ giao lại cho ông Nguyễn Ngỗ canh tác. Theo ông biết được diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngỗ còn cấp năm nào thì tôi không có biết.

Người làm chứng ông Hồ Văn Tạo trình bày:

Từ năm 1972 đến năm 1976 ông có thuê đất nông nghiệp (đất tọa lạc tại tực danh “Cây Me, Bầu Bí” thuộc Khu phố 05, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận) kế bên đất của ông Nguyễn Ngỗ canh tác; ông biết chủ đất là ông Nguyễn Ngỗ có cho ông Nguyễn Hôi (đã chết lâu rồi) thuê đất canh tác. Còn nguồn gốc đất này như thế nào thì ông không biết rõ.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Anh trình bày:

Bà có đất nông nghiệp tọa lạc tại tực danh “Cây Me, Bầu Bí” thuộc Khu phố 05, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận giáp ranh đất của ông Nguyễn Ngỗ. Khi bà canh tác đất gần đó thì thấy vợ chồng ông Nguyễn Ngỗ canh tác trên đất đang tranh chấp hiện nay, còn nguồn gốc đất này như thế nào thì bà không biết rõ.

Người làm chứng bà Võ Thị Tuyết Linh trình bày:

Diện tích mà hiện nay bà Cang, ông Nghịch đang tranh chấp có nguồn gốc là ông cố để lại cho ông nội Nguyễn Cơ, sau đó ông Cơ giao lại cho ông Nguyễn Ngỗ canh tác. Theo bà biết được diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Ngỗ còn cấp năm nào thì bà không có biết.

Người làm chứng ông Tiêu Hồng Tuấn trình bày:

Theo mẹ ông kể lại và ngay bản thân ông có làm rẫy gần đó thì nguồn gốc đất các đương sự đang tranh chấp là của tộc họ Nguyễn để lại, ông có chứng kiến ông Nguyễn Ngỗ và các con của ông Ngỗ canh tác trên đất nhưng ông không biết rõ diện tích đất họ Nguyễn để lại là bao nhiêu mét vuông, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh Tùng trình bày:

Ông là người trong tộc họ Nguyễn, ông không có mẫu thuẫn gì đối với bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn Ngh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện. .

Diện tích đất nông nghiệp 6.720m² (đất có tực danh “Cây Me, Bầu Bí” thuộc Khu phố 05, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận) mà hiện nay giữa bà Trương Thị C và ông Nguyễn Văn Ngh đang tranh chấp có nguồn gốc do ông cố của ông Nghịch khai hoang tạo lập. Lưu truyền đến đời ông nội, rồi đến đời cha ông Nguyễn Ngỗ (chết), đến đời con ông Nghịch được thừa hưởng để làm hương hỏa, lo mồ mả ông bà. Khu đất này rất trũng, thấp, dễ ngập úng, ông Nguyễn Nghịch là người quản lý, canh tác đất đang tranh chấp từ năm 1998 cho đến nay.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, quyết định:

Áp dụng: khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 3 Điều 144, Khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 102, Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015

Khoản 29 Điều 3, Điều 203 Luật đất đai 2013

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị C đối với ông Nguyễn Văn Ngh về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất hộ gia đình và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất” đối với diện tích 6.720m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515471 cấp ngày 09/12/1996, thửa số 29, tờ bản đồ số 02, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 19 QSDĐ/1 và diện tích đất tăng thêm 1.018,5m² so với đất được cấp, mục đích sử dụng đất màu, có vị trí:

Đông giáp đất Nguyễn Văn Ngh; Tây giáp đất ông Lự;

Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Anh; Bắc giáp đất ông Tranh;

Cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Ngh được quyền sử dụng 2.510,5 m² (Thửa số 1) đất màu tọa lạc tại Cây Me, Bàu Bí thuộc khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (kèm sơ đồ bản vẽ).

- Ông Nguyễn Đức S, bà Trương Thị C và Nguyễn Thị Kim C do ông Nguyễn Đức S đại diện được quyền sử dụng 2.239.8m² (Thửa số 2) đất màu tọa lạc tại Cây Me, Bàu Bí thuộc khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (kèm sơ đồ bản vẽ).

- Bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hoa Mai, ông Nguyễn văn Thọ và bà Lê Thị Ngọc M do bà Nguyễn Thị Hoa Mai đại diện được quyền sử dụng 2.986,4m² (Thửa số 3) đất màu tọa lạc tại Cây Me, Bàu Bí thuộc khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (kèm sơ đồ bản vẽ).

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515471 cấp ngày 09/12/1996, vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 19QSDĐ/1 với diện tích 6720m² đất màu cho hộ ông Nguyễn Ngỗ, thửa số 29, tờ bản đồ số 02

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn Ngh, bà Nguyễn Thị Kim C.

Ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hồng Mai, bà Lê Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn Thọ mỗi người phải nộp 1.492.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức S đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0029878 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông Sanh phải nộp thêm 1.192.000đồng.

Ông Nguyễn Văn Thọ đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0029877 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông Thọ phải nộp thêm 1.192.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng Mai đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0029876 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Mai nộp thêm 1.192.000đồng.

Bà Nguyễn Thị Nh đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0029875 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nhi nộp thêm 1.192.000đồng.

Bà Lê Thị Ngọc M đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0029874 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Minh nộp thêm 1.192.000đồng.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Diện tích đất tranh chấp 6.720m² có nguồn gốc của tộc họ Nguyễn cụ thể là ông Nguyễn Tây chết để lại với mục đích là để thờ cúng ông bà tộc họ Nguyễn nên ông không đồng ý chia đều cho 9 người. Ông là người có công bảo quản, giữ gìn canh tác từ năm 1998 đến nay, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia đều là không công bằng cho ông;

- Ông là người trực tiếp quản lý, canh tác đất nông nghiệp 6.720m² từ năm 1998 đến nay với nghĩa vụ nuôi dưỡng mẹ Trương Thị C và em gái mất trí nhớ Nguyễn Thị Kim C. Thời gian này ông trực tiếp bồi sửa đất, bỏ công sức bảo quản đất với số tiền 600.000.000đồng, trong đó mua đất để đổ đất là 400.000.000đồng, thuê máy ủi đất lên, ủi đất xuống 200.000.000đồng. Ông yêu cầu những người liên quan phải trả lại tiền nêu trên lại cho ông nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết và cho là ông đã nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí mà không nộp tiền, thực tế ông không nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về thủ tục tại cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm và sai sót như sau:

- Không ra thông báo thụ lý vụ án bổ sung khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp trong quá trình giải quyết vụ án;

- Đương sự trong vụ án ủy quyền về quan hệ tranh chấp thừa kế tài sản, chưa ủy quyền về tranh chấp quyền về tài sản chung mà không yêu cầu bổ sung nội dung ủy quyền;

- Đương sự không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất mà Tòa án tuyên hủy là vượt quá thẩm quyền.

Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn không có chứng cứ gì mới, không có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm chia diện tích đất tranh chấp cho 10 phần (gồm ông Ngõ, bà Cang, 08 người con), chia kỷ phần thừa kế của ông Ngõ để lại và phần diện tích đất được trích tính cho công sức bảo quản tài sản cho ông Nghịch là chưa phù hợp. Vì việc giữ gìn bảo quản tài sản có cả công sức của bà Nguyễn Thị Hoa là vợ của ông Nghịch, nhưng Tòa án chỉ tuyên chia cho ông Nghịch được quyền sử dụng 2.510,5 m² (Thửa số 1) đất màu có tục danh “Cây Me, Bàu Bí” thuộc Khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (kèm sơ đồ bản vẽ) là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoa. Vì vậy, cần xác định vợ chồng ông Nghịch, bà Hoa được hưởng phần tài sản chung, di sản hưởng thừa kế và 1.018,5m² đất công sức bảo quản đất mới đúng.

Với những vi phạm và sai sót về thủ tục và nội dung nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm như nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu nội dung đơn kháng cáo của bị đơn; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, đương sự có người đại diện theo ủy quyền; đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Các đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát cùng cấp đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và áp dụng pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất. Tài sản là đất và bị đơn có địa chỉ tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Khoản 2, Khoản 5 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp quyền về tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản (quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

[3] Về nội dung:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, đủ căn cứ theo pháp luật về đất đai để xác định:

Về tranh chấp và yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất do nguyên đơn khởi kiện, thấy rằng: Đất mà bà Trương Thị C tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất có tổng diện tích đo đạc hiện trạng $7.738,5m^2$, thuộc thửa đất số 29, diện tích $6.720m^2$, tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515471 ngày 09/12/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp đứng tên Nguyễn Ngỗ.

Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong là cơ quan quản lý đất đai xác định tại Văn bản số 3234/UBND-NC ngày 06/12/2019 cũng như đa số đương sự có quyền lợi liên quan đến quyền sử dụng đất xác định: là thửa đất số 29, diện tích $6.720m^2$ cấp cho hộ ông Nguyễn Ngỗ, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Ngỗ (chồng - chủ hộ);
2. Bà Trương Thị C (vợ)
3. Bà Nguyễn Thị Nh (con);
4. Bà Nguyễn Thị Hồng Mai (con);
5. Bà Nguyễn Thị X (cháu);
6. Ông Nguyễn Văn Thọ (con);
7. Bà Nguyễn Thị Kim C (con);
8. Bà Nguyễn Thị Bé Hai (con).

Diện tích đất $6.720m^2$ khi thực hiện chính sách giao khoán đất cho hộ gia đình nông dân sản xuất thì giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngỗ theo bình quân nhân khẩu và mỗi khẩu có quyền sử dụng đất như nhau, gồm 08 khẩu. Bình quân nhân khẩu được tính $6.720m^2 : 8 = 840m^2$.

Bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Bé Hai không yêu cầu chia quyền sử dụng đất là tài sản chung. Những người được quyền sử dụng đất trong hộ gia đình và những người được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất tự nguyện, thỏa thuận, thống nhất như sau:

- Diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Ngỗ sẽ được chia cho cha, mẹ và 08 người con (tổng cộng là 10 người), mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau, sau đó mới chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn Ngh không được giao quyền sử dụng đất trong hộ gia đình ông Nguyễn Ngỗ nhưng là người trực tiếp quản lý, sản xuất từ năm 1998 đến nay nên các đương sự đồng ý chia cho ông Nghịch 01 phần trong tổng diện tích 6.720 m^2 .

Như vậy, quyền sử dụng đất chung được xác định $6.720 \text{ m}^2 : 10 = 672 \text{ m}^2$.

Do ông Nguyễn Ngỗ chết nên phát sinh thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 672 m^2 . Ông Ngỗ chết ngày 19/01/2004, không để lại di chúc hợp pháp. Ông Nghịch có đưa ra di chúc ngày 04/11/1999 của ông Ngỗ, bà Cang có chữ ký của ông Ngỗ, bà Cang và 02 con là ông Thọ, ông Đồng; ông Ngỗ để lại tài sản là hai sào đất im tọa lạc tại Cây Me cho ông Nghịch. Đây là di chúc bằng văn bản không có người làm chứng theo quy định tại Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 1995. Bản án sơ thẩm nhận định không chấp nhận nội dung của di chúc nhưng ông Nghịch không kháng cáo nội dung này. Vì vậy, quyền sử dụng đất của ông Nghịch chết để lại được chia theo pháp luật.

Người được hưởng thừa kế của ông Nghịch là vợ và các con gồm 9 người (9 kỷ phần thừa kế). Cụ thể: Bà Trương Thị C, bà Nguyễn Thị Lệ (chết ngày 27/5/2019, chồng và các con của bà Lệ là ông Lê Phi H, bà Nguyễn Thị X, ông Lê Phi N, ông Lê Phi T, ông Lê Phi S, bà Lê Thị Ngọc M), ông Nguyễn Văn Ngh, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn Đồng, bà Nguyễn Thị Hồng Mai, ông Nguyễn Đức S, ông Nguyễn Đức Th, bà Nguyễn Thị Kim C, mỗi người được hưởng thừa kế diện tích đất $74,666 \text{ m}^2$.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào diện tích đo đạc hiện trạng là $7.738,5 \text{ m}^2$, so với diện tích 6.720 m^2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515471 ngày 11/12/1996, diện tích đất tăng thêm là $1.018,5 \text{ m}^2$.

Nhận thấy ranh giới, vị trí, tứ cận thửa đất ổn định, không thay đổi, từ năm 1998 đến nay vợ chồng ông Nghịch và bà Hoa sử dụng, canh tác nên diện tích đất tăng thêm $1.018,5 \text{ m}^2$ được các đương sự thỏa thuận, thống nhất dùng để tính công sức tôn tạo, giữ gìn, bảo quản đất của vợ chồng ông Nghịch, bà Hoa và giao cho họ là đảm bảo quyền và lợi ích của họ theo pháp luật. Tổng diện tích đất mà ông Nghịch bà Hoa được chia và hưởng thừa kế là $1.765,166 \text{ m}^2$, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho ông Nghịch diện tích thừa số 1 là $2.511,9 \text{ m}^2$.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn Ngh: Diện tích đất tranh chấp 6.720 m^2 có nguồn gốc của tộc họ Nguyễn cụ thể là ông Nguyễn Tây chết để lại với mục đích là để thờ cúng ông bà tộc họ Nguyễn nên ông không đồng ý chia đều cho 9 người. Ông là người có công bảo quản, giữ gìn canh tác từ năm 1998 đến nay, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia đều là không công bằng cho ông;

Ông là người trực tiếp quản lý, canh tác đất nông nghiệp 6.720 m^2 từ năm 1998 đến nay với nghĩa vụ nuôi dưỡng mẹ Trương Thị C và em gái mất trí nhớ

Nguyễn Thị Kim C. Thời gian này ông trực tiếp bồi sửa đất, bỏ công sức bảo quản đất với số tiền 600.000.000đồng, trong đó mua đất để đổ đất là 400.000.000đồng, thuê máy ủi đất lên, ủi đất xuống 200.000.000đồng. Ông yêu cầu những người liên quan phải trả lại tiền nêu trên lại cho ông nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết và cho là ông đã nhận Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí mà không nộp tiền, thực tế ông không nhận bất cứ văn bản nào của Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Ngh nộp tài liệu: Bản dịch giấy tờ/văn bản từ tiếng Hán Nôm Cổ sang tiếng Việt của Công ty cổ phần dịch thuật Miền Trung MIDTRANS, ngày dịch 09/7/2021 để chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là của tộc họ Nguyễn. Tại tài liệu này không thể hiện bản đồ, sơ đồ, vị trí đất có liên quan đến đất tranh chấp, người được quyền sử dụng đất trong tài liệu không thể hiện ý chí đây là đất của tộc họ truyền từ đời này sang đời khác.

Khi thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngỗ tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515471 ngày 11/12/1996, từ đó không ai tranh chấp, khiếu nại gì về quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngỗ nên không có căn cứ theo pháp luật đất đai để xác định đây là đất của tộc họ. Do đó tài liệu, chứng cứ mà ông Nghịch đưa ra không có giá trị pháp lý để chứng minh.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến quyền lợi của ông Nghịch, thể hiện việc nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất tính công sức bảo quản, giữ gìn, bồi bổ đất cho ông bằng diện tích 1.081,5m² và chia cho ông một phần trong phần tài sản chung là quyền sử dụng đất như đã nêu ở nhận định trên là đảm bảo quyền lợi của ông Nghịch.

Về ý kiến của ông Nghịch đối với quyền lợi của ông trong tài sản chung và tài sản thừa kế, hồ sơ thể hiện: Tòa án sơ thẩm đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và giao cho ông Nghịch nhận ngày 03/9/2019, ông Nghịch không nộp tạm ứng án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của ông Nghịch là đúng quy định tại Điều 146, Điều 202 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, không có chứng cứ để chứng minh kháng cáo của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp như nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

Không ra thông báo thụ lý vụ án bổ sung khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; bổ sung quan hệ pháp luật tranh chấp trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự trong vụ án ủy quyền về quan hệ tranh chấp thừa kế tài sản, chưa ủy quyền về tranh chấp quyền về tài sản chung mà không yêu cầu bổ sung nội dung ủy quyền; Đương sự không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị mất mà Tòa án tuyên hủy là vượt quá thẩm quyền.

Bản án sơ thẩm chia diện tích đất tranh chấp cho 10 phần (gồm ông Ngõ, bà Cang, 08 người con), chia kỹ phần thừa kế của ông Ngõ để lại và phần diện tích đất được trích tính cho công sức bảo quản tài sản cho ông Nghịch là chưa phù hợp. Vì việc giữ gìn, bảo quản tài sản có cả công sức của bà Nguyễn Thị Hoa là vợ của ông Nghịch, nhưng Tòa án chỉ tuyên chia cho ông Nghịch được quyền sử dụng 2.510,5 m² (Thửa số 1) đất màu có tục danh “Cây Me, Bàu Bí” thuộc Khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (kèm sơ đồ bản vẽ) là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoa. Vì vậy, cần xác định vợ chồng ông Nghịch, bà Hoa được hưởng phần tài sản chung, di sản hưởng thừa kế và 1.018,5m² đất công sức bảo quản đất mới đúng.

Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm và sai sót nêu trên nhưng sai sót này không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất và nội dung vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án nên không cần thiết phải sửa bản án, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung quyền sử dụng đất cho bà Hoa cho đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để áp dụng đúng pháp luật.

[6] Tại phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên chấp nhận yêu cầu chia tài chung (quyền sử dụng đất); tuyên chia diện tích đất của đương sự theo tên thửa đất 1, 2, 3 theo bản vẽ kèm theo nhưng diện tích trong quyết định của bản án không đúng với bản vẽ và không đúng với tổng diện tích đo đạc hiện trạng. Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh và bổ sung phần này và không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Bị đơn là người kháng cáo được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308; Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Khoản 2, 5 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 91; Khoản 3 Điều 144; Khoản 2 Điều 147; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 102, Điều 212; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 29 Điều 3, Điều 203 Luật Đất đai;

- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh; Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc “Tranh chấp quyền về tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản (quyền sử dụng đất)” đối với diện tích 6.720m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 515471 ngày 09/12/1996, thửa số 29, tờ bản đồ số 02, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 19 QSDĐ/1 và diện tích đất tăng thêm 1.018,5m² so với đất được cấp, mục đích sử dụng đất màu. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Hoa được quyền tiếp tục sử dụng 2.511,9 m² (Thửa số 1) đất màu, tọa lạc tại “Cây Me, Bàu Bí” thuộc Khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

- Ông Nguyễn Đức S, bà Trương Thị C và Nguyễn Thị Kim C do ông Nguyễn Đức S đại diện được quyền sử dụng 2.240m² (Thửa số 2) đất màu tọa lạc tại “Cây Me, Bàu Bí” thuộc Khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

- Bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hồng Mai, ông Nguyễn Văn Thọ và bà Lê Thị Ngọc M do bà Nguyễn Thị Hồng Mai đại diện được quyền sử dụng 2.986,6m² (Thửa số 3) đất màu tọa lạc tại Cây Me, Bàu Bí thuộc khu phố 5, thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Có Mạnh chính lý thừa đất; Tờ bản đồ số: 15 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tuy Phong kèm theo.

Ông Nguyễn Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Hoa có nghĩa vụ giao diện tích đất được chia nêu trên.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị C, ông Nguyễn Văn Ngh, bà Nguyễn Thị Kim C.

- Ông Nguyễn Đức S, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị Hồng Mai, bà Lê Thị Ngọc M và ông Nguyễn Văn Thọ mỗi người phải nộp 1.492.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0029878, số 0029877, số 0029876, số 0029875 và số 0029874 cùng ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, còn lại 1.192.000đồng mỗi người phải nộp thêm.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn Ngh được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/3/2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tuy Phong;
- THADS huyện Tuy Phong;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín